

Số: /GPMT-BQL

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 9 năm 2022

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp (KCN) Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các KCN thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 29/CV-YH ngày 30/8/2022 của Công ty TNHH Yuan Hong về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Yuan Hong được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất công ty TNHH Yuan Hong.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8752251736 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11/09/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 27/10/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3502405703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/09/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22/05/2020.

1.4. Mã số thuế: 3502405703.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bí ngô từ nhựa PU; Sản xuất rỗi hơi từ vải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích của dự án: 59.386 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Sản xuất bí ngô từ nhựa PU: 500 tấn/năm;

+ Sản xuất rỗi hơi từ vải: 1.500.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Yuan Hong**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Yuan Hong có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày ..... tháng 9 năm 2022 đến ngày ..... tháng 9 năm 2032).

**Điều 4.** Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Yuan Hong (chủ dự án);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- Tổng Công ty IDICO – CTCP;
- Website Ban QL các KCN;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, HSMT.

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Anh Triết**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BQL ngày ..... tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh nước thải sản xuất, đối với nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của Dự án được đấu nối vào trạm xử lý nước thải của KCN Mỹ Xuân A, không xả trực tiếp ra môi trường).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh (xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn) được thu gom đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 3 ngăn: 10 bể, thể tích 5,58 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, vệ sinh công trình, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, công thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

#### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

#### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Mỹ Xuân A, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư KCN Mỹ Xuân A về việc đấu nối nước thải tại dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A đảm bảo không

vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

3.4. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BQL ngày ..... tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

##### **1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1);
- Nguồn số 2: hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo và khu vực bù keo;
- Nguồn số 3: hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, khu vực tô cuông, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3).

##### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

###### **2.1. Vị trí xả khí thải**

- Dòng khí thải số 01: Tương đương với ống khói số 01 (KT1) của hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1) (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176750; Y = 421088.
- Dòng khí thải số 02: Tương đương với ống khói số 02 (KT2) của hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo, khu vực bù keo (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176645; Y = 421107.
- Dòng khí thải số 03: Tương đương với ống khói số 03 (KT3) của hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, khu vực tô cuông, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3) (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176642; Y = 421108.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°)*

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy trong KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

###### **2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

###### **2.2.1. Phương thức xả khí thải**

Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục (theo thời gian hoạt động của nhà máy).

###### **2.2.2. Chất lượng khí thải**

Trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	<b>Dòng khí thải số 01, 02, 03</b>			06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	n-Butyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>950</b>		
2	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>870</b>		
3	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>1.400</b>		
4	n-Butanol	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>360</b>		
5	n-Heptan	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>2.000</b>		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1) được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý để xử lý.

- Nguồn số 02: Hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo, khu vực bù keo được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý để xử lý.

- Nguồn số 03: Hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, khu vực tô cuống, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3) được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

##### 1.2.1. Hệ thống xử lý hơi dung môi, VOC (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi phát sinh (Từ khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1)) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói (đường D600, chiều cao ống khói 9m).

- Công suất thiết kế: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, nước.

##### 1.2.2. Hệ thống xử lý hơi dung môi, VOC (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi phát sinh (Từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo, khu vực bù keo) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói (đường D600, chiều cao ống khói 9m).

- Công suất thiết kế: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, nước.

### 1.2.3. Hệ thống xử lý hơi dung môi, VOC (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi phát sinh (Từ khu vực đập bột, khu vực tô cuống, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3)) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói (đường D700, chiều cao ống khói 9m).

- Công suất thiết kế: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, nước.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc các hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Định kỳ kiểm tra, thay thế than hoạt tính, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định, ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải ngừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1), công suất 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo, khu vực bù keo, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, khu vực tô cuống, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3), công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

## 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1)	X = 1.176.750; Y = 421.088
2	Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), khu vực buồng sơn thủ công (sơn màng nước), khu vực dán keo, khu vực bù keo	X = 1.176.645; Y = 421.107
3	Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đắp bột, khu vực tô cuống, dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 3)	X = 1.176.642; Y = 421.108

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

## 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 30 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương theo quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BQL ngày ..... tháng 9 năm 2022  
của Ban Quản lý các KCN)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 02: khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 03: khu vực may.
- Nguồn số 04: khu vực máy đóng đá mi.
- Nguồn số 05: khu vực máy phát điện.
- Nguồn số 06: khu vực máy tạo hình PU.
- Nguồn số 07: Khu vực sơn kết hợp sấy.
- Nguồn số 08: Khu vực chuyền treo.
- Nguồn số 09: Khu vực chuyền PU1.
- Nguồn số 10: Khu vực đập bột.
- Nguồn số 11: Khu vực tô cuộn.
- Nguồn số 12: Khu vực bù keo.
- Nguồn số 13: Khu vực dán keo.
- Nguồn số 14: Khu vực buồng sơn thủ công.
- Nguồn số 15: Khu vực chuyền sơn kết hợp sấy.
- Nguồn số 16: Khu vực chuyền PU2.
- Nguồn số 17: Khu vực chuyền PU3.
- Nguồn số 18: khu vực hệ thống xử lý Module 1.
- Nguồn số 19: khu vực hệ thống xử lý Module 2.
- Nguồn số 20: khu vực hệ thống xử lý Module 3.

#### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1176762, Y = 421090.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1176643, Y = 421118.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1176661, Y = 421190.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1176879, Y = 421190.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1176630, Y = 421113.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1176700, Y = 421117.

- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1176739, Y = 421093
- Nguồn số 08: Tọa độ X = 1176735, Y = 421094
- Nguồn số 09: Tọa độ X = 1176711, Y = 421091
- Nguồn số 10: Tọa độ X = 1176713, Y = 421097
- Nguồn số 11: Tọa độ X = 1176718, Y = 421108
- Nguồn số 12: Tọa độ X = 1176706, Y = 421114
- Nguồn số 13: Tọa độ X = 1176686, Y = 421126
- Nguồn số 14: Tọa độ X = 1176656, Y = 421116
- Nguồn số 15: Tọa độ X = 1176647, Y = 421130
- Nguồn số 16: Tọa độ X = 1176668, Y = 421140
- Nguồn số 17: Tọa độ X = 1176666, Y = 421133
- Nguồn số 18: Tọa độ X = 1176642, Y = 421108.
- Nguồn số 19: Tọa độ X = 1176645, Y = 421107.
- Nguồn số 20: Tọa độ X = 1176750, Y = 421088.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.

- Làm việc theo chế độ ca kíp, tránh để người làm việc tiếp xúc quá thời gian quy định trong độ ồn cao.

- Trồng nhiều cây xanh quanh hàng rào nhà máy.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMТ-BQL ngày ..... tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>Stt</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
01	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý VOC	12 01 04	8.161,98
02	Cặn sơn, sơn thải	08 01 01	20.000
03	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (Bóng đèn LED thải)	16 01 13	3,5
04	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	500
05	Bao bì mềm thải (chứa hóa chất)	18 01 01	15
06	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy đựng hóa chất, sơn)	18 01 02	5.940
07	Bao bì cứng thải bằng nhựa (can nhựa dính hóa chất, Thùng nhựa chứa dầu nhớt thải)	18 01 03	330
08	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (chai lọ thủy tinh chứa hóa chất)	18 01 04	6,0
09	Giẻ lau dính thành phần nguy hại (dính dầu mỡ, keo dán, nước rửa khuôn)	18 02 01	9.856
10	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại (Bavia bí ngô dính sơn thải)	19 03 02	5.000
11	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (Mô tơ quạt, bộ chuyển đổi điện áp hư thải bỏ)	19 02 05	100
<b>Tổng cộng</b>			<b>49.912,48</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

<b>TT</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng (năm)</b>
1	Bavia (vải dư) từ sản phẩm rời hơi từ vải	kg	198.000
2	Thùng carton, Bao bì chứa nguyên liệu, sản phẩm thải bỏ	kg	620
<b>Tổng cộng</b>			<b>198.620</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	93.600
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>93.600</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng phuy thép, can nhựa.
- Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 128 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường, tôn bao quanh, mái che lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có cửa, biển báo; rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng chảy tràn.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho vực lưu chứa

- Diện tích: 170 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường, tôn bao quanh, nền bê tông, có mái tôn che kín, có biển báo, vách ngăn tách biệt với kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 42 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường, tôn bao quanh, nền bê tông, có mái tôn che kín, có biển báo, vách ngăn tách biệt với kho chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép

môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **Phụ lục 5**

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BQL ngày ..... tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN)*

### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 39/QĐ-BQL ngày 18/03/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong" tại KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.